

ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG HỆ THỐNG CÁC ỦY BAN CỦA QUỐC HỘI HIỆN NAY

NGUYỄN THỊ HOÀN*
TRẦN VĂN THUÂN**

Phương thức hoạt động của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội là hệ thống các cách thức, hình thức phù hợp mà các cơ quan này sử dụng để tiến hành các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ nhằm đạt được mục tiêu, yêu cầu đặt ra phù hợp với vị trí, vai trò của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban trong hoạt động của Quốc hội. Trên cơ sở phân tích và làm rõ khái niệm, đặc điểm, phương thức hoạt động của hệ thống Ủy ban; đồng thời, chỉ ra một số hạn chế, bất cập trong thực tiễn, bài viết đề xuất các giải pháp nhằm góp phần đổi mới phương thức hoạt động của hệ thống Ủy ban của Quốc hội.

Từ khóa: Phương thức hoạt động; Hội đồng dân tộc; các Ủy ban của Quốc hội; chức năng, nhiệm vụ; hoàn thiện.

The operational methods of the Ethnic Council and the committees of the National Assembly are understood as a system of appropriate approaches and forms employed by these bodies to perform their functions and duties in order to achieve the set objectives and requirements, commensurate with their position and role within the activities of the National Assembly. Based on an analysis of the concept and characteristics of the committee system, along with an assessment of several limitations and shortcomings in its practical organization and operation, the article proposes solutions to reform the operational methods of the National Assembly committees in the current period.

Keywords: Operational methods; Ethnic Council; National Assembly committees; functions and duties; improvement.

NGÀY NHẬN: 06/12/2025 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 18/01/2026 NGÀY DUYỆT: 13/02/2026

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.361.2026.1430>

1. Đặt vấn đề

Thời gian qua, cùng với quá trình đổi mới, kiện toàn tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước nói chung, trong đó có Quốc hội, vấn đề hoạt động của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội (sau đây gọi chung là Ủy ban) được gắn với yêu cầu tiếp tục hoàn thiện cơ chế Đảng lãnh đạo Quốc hội về cải tiến, nâng cao chất lượng, hiệu quả

hoạt động, yêu cầu phát huy vai trò, trách nhiệm của Ủy ban trong hoạt động lập pháp; yêu cầu thể chế hóa nguyên tắc dân chủ trong hoạt động của cơ quan dân cử... đã đề cập trong các văn kiện của Ban Chấp hành Trung ương qua các nhiệm kỳ Đại hội, của

* TS, Học viện Hành chính và Quản trị công

** TS, Văn phòng Quốc hội

Bộ Chính trị và hiện nay đã trở thành một trong những nội dung trong quá trình tiếp tục đẩy mạnh xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân. Những nội dung này cũng đặt ra yêu cầu cần tiếp tục nghiên cứu, làm rõ ở góc độ tổng thể về tổ chức và hoạt động của Quốc hội nói chung, nhất là khía cạnh pháp lý và thực tiễn về phương thức hoạt động của Ủy ban nói riêng.

2. Khái niệm và đặc điểm phương thức hoạt động của hệ thống Ủy ban của Quốc hội

Phương thức hoạt động của các Ủy ban của Quốc hội là hệ thống các cách thức, hình thức phù hợp mà các cơ quan này sử dụng để tiến hành các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ nhằm đạt được mục tiêu, yêu cầu đặt ra phù hợp với vị trí, vai trò của Ủy ban trong hoạt động của Quốc hội. Theo đó, các cách thức, hình thức mà Ủy ban sử dụng để tiến hành các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ của mình chủ yếu là thông qua các phiên họp toàn thể, ngoài ra, còn thông qua hoạt động của bộ phận Thường trực, các tiểu ban, các Đoàn giám sát, Đoàn công tác và hoạt động của các thành viên Ủy ban. Đồng thời, phương thức hoạt động của Ủy ban còn bao hàm cả những nguyên tắc, yêu cầu nhất định.

Phương thức hoạt động của các Ủy ban của Quốc hội Việt Nam chịu sự chi phối của những đặc điểm sau đây:

Thứ nhất, phương thức hoạt động của các Ủy ban xuất phát từ đặc điểm nhất nguyên của hệ thống chính trị nước ta. Khác với nhiều nước, các Ủy ban của Quốc hội Việt Nam không phải là nơi diễn ra các hoạt động tranh giành ảnh hưởng, hay thỏa hiệp của các lực lượng chính trị khác nhau. Ở khía cạnh phương thức hoạt động, điều này cũng cho phép gạt bỏ được những yếu tố có thể làm “biến dạng” tính khách quan, đúng đắn trong hoạt động của hệ thống Ủy ban nói riêng và thiết chế nghị viện nói chung.

Thứ hai, trong điều kiện Nhà nước thực thi nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất,

có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp; Quốc hội được xác định là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, là cơ quan thực hiện quyền lập pháp, song Quốc hội lại không hoạt động thường xuyên, đa số đại biểu Quốc hội hoạt động kiêm nhiệm. Với vị trí, vai trò là các cơ quan của Quốc hội, phương thức hoạt động của các Ủy ban phải được đặt trong bối cảnh này.

Thứ ba, phương thức hoạt động của các Ủy ban phải xuất phát từ chính vị trí, vai trò mang tính chất tham mưu, tư vấn của các cơ quan này trong hoạt động của Quốc hội. Điều này cũng đặt ra yêu cầu cần phải xác lập và vận hành các phương thức hoạt động cụ thể một cách khoa học để vừa huy động được trí tuệ của cá nhân thành viên, trí tuệ tập thể của các thành viên Ủy ban; trí tuệ của các chuyên gia, nhà khoa học... trong cả nước cũng như các sáng kiến từ các tầng lớp nhân dân đề xuất với Quốc hội nói chung và với các Ủy ban nói riêng.

Trong điều kiện Quốc hội hoạt động không thường xuyên, đa số đại biểu Quốc hội hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm thì hoạt động của hệ thống các Ủy ban với ý nghĩa là các cơ quan chuyên môn của Quốc hội ở những lĩnh vực cụ thể có ý nghĩa rất quan trọng. Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xây dựng và thi hành pháp luật nhằm góp phần nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật, vì vậy, việc tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện phương thức hoạt động của hệ thống các Ủy ban của Quốc hội rất cấp thiết.

3. Những vấn đề đặt ra từ thực tiễn

Phương thức hoạt động của các Ủy ban đã có những cải tiến, đổi mới quan trọng theo chiều hướng phát huy dân chủ XHCN thực sự trong hoạt động của các cơ quan này, ngày

càng phù hợp với các nguyên tắc hoạt động, vị trí, vai trò của hệ thống Ủy ban. Với tinh thần tâm huyết, trách nhiệm, cởi mở, thẳng thắn và xây dựng, các đại biểu Quốc hội là thành viên đã phát huy trí tuệ, đóng góp ngày càng tích cực, chủ động vào các hoạt động của Ủy ban, nhất là trong các phiên họp toàn thể, trong việc tham gia các hoạt động của Ủy ban ở các lĩnh vực lập pháp, giám sát, quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước. Với những cải tiến, đổi mới không ngừng về phương thức hoạt động, hệ thống Ủy ban đã có những đóng góp to lớn, hiệu quả trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được *Hiến pháp*, pháp luật quy định cho hệ thống Ủy ban nói riêng và Quốc hội nói chung, góp phần tích cực vào việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân.

Bên cạnh những kết quả đạt được, phương thức hoạt động của hệ thống Ủy ban cũng bộc lộ những điểm cần được tiếp tục quan tâm nghiên cứu hoàn thiện.

Một là, tập trung dân chủ chưa được minh định rõ trong luật với vị trí là một nguyên tắc trong hoạt động của Ủy ban. Về nguyên tắc, tại khoản 1 Điều 3 *Luật Tổ chức Quốc hội* năm 2014 (sửa đổi, bổ sung) quy định “Quốc hội làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số”. Điều 68 quy định hệ thống Ủy ban của Quốc hội “làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số kết hợp với đề cao trách nhiệm của Thường trực Hội đồng, Thường trực Ủy ban và vai trò điều hành của Chủ tịch Hội đồng, Chủ nhiệm Ủy ban”. Bên cạnh đó, tại Điều 8 *Hiến pháp* năm 2013 quy định tập trung dân chủ là một nguyên tắc được thực hiện trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước.

Việc bổ sung nội dung “kết hợp với đề cao trách nhiệm của Thường trực Hội đồng, Thường trực Ủy ban và vai trò điều hành của Chủ tịch Hội đồng, Chủ nhiệm Ủy ban” cũng rất đáng chú ý; đây là cách tiếp cận thực tiễn, có những hạt nhân hợp lý trong điều kiện

phần lớn thành viên Ủy ban hoạt động kiêm nhiệm. Khi nhận thức và vận dụng yếu tố “kết hợp” này cần được xem xét, chú trọng hơn đến nội dung “làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số”, chứ không phải là việc “kết hợp” mang tính cân bằng, để tránh việc có thể dẫn đến khả năng làm xói mòn nguyên tắc “làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số” của hệ thống Ủy ban.

Hai là, việc thực hiện nguyên tắc làm việc theo chế độ tập thể và quyết định theo đa số chưa được bảo đảm đầy đủ. Trong tiến trình hoạt động, việc vận hành trên thực tế về nguyên tắc làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số của các Ủy ban không phải lúc nào cũng “trơn tru”. Tính chất thường xuyên trong hoạt động của các Ủy ban hiện nay được chủ yếu thực hiện thông qua hoạt động của bộ phận Thường trực.

Qua một số nhiệm kỳ Quốc hội gần đây cho thấy, trong không ít trường hợp, yêu cầu về sự tham dự đầy đủ của các thành viên trong phiên họp toàn thể vẫn đang là vấn đề được đặt ra. Do phần lớn thành viên Ủy ban làm việc tại địa phương và hoạt động kiêm nhiệm nên thời gian dành cho hoạt động của Ủy ban còn hạn chế; khó tổ chức thường xuyên được các phiên họp toàn thể Ủy ban¹; việc tham dự không thật đầy đủ của các thành viên Ủy ban phần nào đã làm ảnh hưởng tới việc thảo luận, tranh luận và nhất là bảo đảm nguyên tắc làm việc tập thể, quyết định theo đa số²... Điều này có thể chỉ là việc phản ánh thực tế việc tổ chức các phiên họp toàn thể Ủy ban ở một thời điểm cụ thể trong một nhiệm kỳ Quốc hội nhất định; đồng thời cũng cho thấy, đây là thực tế không dễ khắc phục được nếu tiếp tục duy trì chế độ hoạt động của thành viên Ủy ban với đa số là thành viên kiêm nhiệm.

Ba là, về phiên họp toàn thể. Về mặt pháp lý, còn có sự chia sẻ giữa việc giải quyết các vấn đề tại phiên họp toàn thể Ủy ban với phiên họp của bộ phận Thường trực. Về nguyên lý, với nguyên tắc làm việc theo chế

độ tập thể, quyết định theo đa số, các phiên họp toàn thể của Ủy ban là nơi cuối cùng để thông qua các văn bản chính thức của Ủy ban gửi đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan (ngoại trừ các văn bản có tính chất hành chính...). Tuy nhiên, theo thời gian, thiết chế Thường trực từng bước được pháp luật trao một số nhiệm vụ, quyền hạn về chuyên môn, có tính độc lập tương đối nhất định xét trong mối tương quan với thiết chế Ủy ban.

Bên cạnh đó, thời gian dành cho việc họp toàn thể để thẩm tra các dự án nhìn chung còn hạn hẹp. Mặc dù đa số thành viên Ủy ban hoạt động kiêm nhiệm, song thời gian diễn ra các phiên họp toàn thể của các cơ quan này cũng không thể kéo dài. Điều này có những nguyên nhân cả về khách quan và chủ quan; trong đó có nguyên nhân do khối lượng công việc lập pháp của một kỳ họp Quốc hội ngày càng lớn, cấp bách hay nguyên nhân do việc gửi tài liệu đến các Ủy ban để phục vụ hoạt động thẩm tra của cơ quan trình dự án trong không ít trường hợp còn chậm, nên quỹ thời gian không cho phép.

Thực tế hoạt động thẩm tra của Ủy ban trong một số nhiệm kỳ gần đây cho thấy, thời gian Ủy ban họp toàn thể để thẩm tra, phát biểu ý kiến về dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết, báo cáo khác... là không dài, thông thường chỉ 1 - 2 ngày, có khi ½ ngày đối với một dự án luật. Ngoài ra, chưa kể việc còn phải tính đến nhu cầu cần có sự trao đổi, thảo luận, đối thoại giữa Ủy ban với các cơ quan hữu quan (cơ quan trình dự án, cơ quan được giám sát...), sao cho các phiên họp của Ủy ban không phải chủ yếu “là nơi hai bên trao đổi diễn văn, báo cáo chuẩn bị sẵn cho nhau”.

Sự hạn hẹp về thời gian tiến hành phiên họp toàn thể Ủy ban, xét ở một khía cạnh nhất định có tác động đến chất lượng, kết quả hoạt động của các cơ quan này. Theo đó, do mỗi phiên họp của Ủy ban thường không thể kéo dài, nên việc thẩm tra đối với nhiều dự án chỉ thường tập trung vào các vấn đề lớn, chưa đi sâu vào các điều, khoản cụ thể trong dự thảo.

4. Một số giải pháp đổi mới phương thức hoạt động của hệ thống Ủy ban

Thứ nhất, bảo đảm nguyên tắc làm việc theo chế độ tập thể và quyết định theo đa số.

Để bảo đảm ngày càng tốt hơn nguyên tắc này trong hoạt động của Ủy ban, cần xem xét chuyển giao một số hoạt động cho Ủy ban với tính chất toàn thể. Thường trực Ủy ban chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ có tính chất điều phối, gọi mở, định hướng về chuyên môn; quản trị nội bộ, về tổ chức nhân sự... trong Ủy ban và bộ máy giúp việc; hay mọi hoạt động chuyên môn do bộ phận Thường trực thực hiện cần được xem xét chuyển hóa thành kết quả hoạt động của Ủy ban với tính cách là các thiết chế hoạt động tập thể. Cần nghiên cứu xây dựng lộ trình về việc toàn bộ thành viên hệ thống Ủy ban hoạt động chuyên trách, đây là vấn đề đáng quan tâm xem xét trong điều kiện Quốc hội không hoạt động thường xuyên, đa số đại biểu hoạt động kiêm nhiệm. Việc triển khai theo hướng này sẽ mở ra khả năng tiếp tục gia tăng hơn nữa chất lượng các hoạt động vốn đang do bộ phận Thường trực đảm nhiệm lâu nay, bảo đảm nguyên tắc làm việc tập thể, quyết định theo đa số được củng cố, tăng cường hơn nữa trên thực tế.

Thứ hai, minh định rõ tập trung dân chủ là một nguyên tắc trong hoạt động của hệ thống Ủy ban.

Việc bổ sung, làm sâu sắc nguyên tắc này sẽ có tác dụng kép, đó là thúc đẩy hoạt động của các thành viên hướng tới sự thống nhất, đồng thuận cao đối với những vấn đề chuyên môn thuộc phạm vi trách nhiệm của Ủy ban; đồng thời, tôn trọng và ghi nhận những ý kiến khác, tránh biểu hiện quan liêu, duy ý chí có thể nảy sinh. Ủy ban là các cơ quan có chuyên môn sâu của Quốc hội về các lĩnh vực cụ thể, trong điều kiện đại biểu Quốc hội đa số hoạt động kiêm nhiệm, sự tập trung, mức độ thống nhất cao của thành viên Ủy ban đối với các vấn đề chuyên môn sẽ giúp cho đại biểu Quốc hội thuận lợi hơn trong việc nhận thức cũng như xem xét, quyết định các nội dung cụ thể. Việc khẳng định một cách chính thức nguyên

tắc tập trung dân chủ là khẳng định tính đặc thù trong hoạt động của Ủy ban so với hệ thống Ủy ban ở Quốc hội nhiều nước, đồng thời, cũng phù hợp với vị trí, vai trò mang tính chất tham mưu, tư vấn về chuyên môn của các cơ quan này trong tổ chức và hoạt động của Quốc hội nước ta.

Thực hiện nguyên tắc này cũng có nghĩa là khi trong thành viên các Ủy ban còn có những ý kiến khác nhau, nếu chưa được tranh luận, thảo luận kỹ thì cần đưa những quan điểm khác nhau đó ra Quốc hội và được hướng tới sự đồng thuận trên cơ sở trí tuệ, khách quan. Việc thực hiện nguyên tắc này cho phép các Ủy ban nhìn nhận, đánh giá sự việc một cách biện chứng, không bỏ sót các khía cạnh của các vấn đề thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Khía cạnh dân chủ trong nguyên tắc này cũng gắn liền với ý thức, bản lĩnh chính trị của đại biểu Quốc hội là thành viên Ủy ban trong thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng thành pháp luật; dám nói lên tiếng nói vì lợi ích chung của quốc gia, dân tộc, phát hiện và ngăn ngừa những yếu tố có thể có biểu hiện của lợi ích cục bộ, lợi ích nhóm...

Về mặt nội dung, điều này cũng đặt ra một yêu cầu có tính nguyên tắc là tất cả các loại hình báo cáo thẩm tra, giám sát, kiến nghị... của các Ủy ban phải phản ánh đầy đủ ý kiến của các thành viên. Việc thực hiện theo hướng này còn nhằm góp phần thực hiện yêu cầu được nêu trong Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về việc “Bảo đảm quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật dân chủ, chuyên nghiệp, khoa học, kịp thời, khả thi, hiệu quả” trong hoạt động của cơ quan dân cử ở cấp độ Ủy ban của Quốc hội.

Thứ ba, tiếp tục hoàn thiện phương thức hoạt động thông qua phiên họp toàn thể.

(1) Bảo đảm tính bình đẳng, đồng thời tăng cường trách nhiệm tham gia, thảo luận, phát biểu ý kiến của toàn bộ các thành viên đối với các vấn đề được đưa ra xem xét, thảo luận tại phiên họp các Ủy ban.

(2) Coi trọng, khuyến khích, khơi dậy tiềm năng trí tuệ trong các thành viên Ủy ban... coi đây là điểm nhấn trong hoạt động của các cơ quan này. Bảo đảm tính tranh luận, đối thoại trong quá trình thảo luận tại phiên họp trong việc xây dựng, hoàn thiện các quy định về quy trình, thủ tục tiến hành phiên họp toàn thể Ủy ban; tôn trọng, lắng nghe các ý kiến khác nhau, bàn bạc, tranh luận tối đa để tìm đến sự thống nhất. Trách nhiệm của chủ tọa phiên họp trong việc điều hành và bảo đảm các nguyên tắc hoạt động, các quy trình, thủ tục trong hoạt động của Ủy ban được vận hành.

(3) Tăng cường số lượng và thời gian tiến hành các phiên họp toàn thể để Ủy ban thực sự có đủ thời gian để trao đổi, thảo luận thực sự kỹ lưỡng về các vấn đề chuyên môn. Các phiên họp toàn thể cần được tiến hành thường xuyên hơn, tăng về số lần tổ chức phiên họp toàn thể đối với một dự án hoặc một vấn đề bàn thảo, kể cả dài ngày hơn mà không nên chỉ dừng lại ở mức độ từ một đến hai ngày đối với một dự án. Theo đó, vai trò, trách nhiệm của Ủy ban trong việc góp ý kỹ lưỡng, chi tiết các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được giao sẽ giúp Quốc hội yên tâm tập trung vào các vấn đề chính sách, tiết kiệm được thời gian, công sức của Quốc hội khi không phải đi quá sâu vào những vấn đề quá chi tiết, mang tính kỹ thuật... Cách thức này đặc biệt có ý nghĩa đối với những dự án bộ luật, luật quy định về quyền con người, quyền công dân, tố tụng tư pháp cần cụ thể được nêu trong Nghị quyết số 66-NQ/TW như đã đề cập ở trên.

(4) Xác định rõ các phiên họp toàn thể là phương thức làm việc cơ bản, trọng tâm nhất, chủ yếu của Ủy ban.

Việc thực hiện hoạt động thẩm tra, giám sát, kiến nghị... phải thuộc trách nhiệm chung của toàn thể các cơ quan này. Các “sản phẩm” với tính chất là kết quả hoạt động của Ủy ban trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình (như: các báo cáo thẩm tra, báo cáo giám sát, báo cáo công tác, văn bản kiến nghị...) cần được đưa ra phiên họp

toàn thể để thông qua trước khi ban hành. Cần tăng cường việc tổ chức các phiên họp toàn thể trong việc nghiên cứu, xem xét bàn thảo các nội dung liên quan trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban.

Đồng thời, về lâu dài, nghiên cứu bổ sung quy định việc tổ chức các phiên họp toàn thể Ủy ban sẽ thay thế cho việc tổ chức các phiên họp Thường trực Ủy ban để thực hiện nhiều nhiệm vụ, nhất là trong hoạt động lập pháp như: thẩm tra sơ bộ; trách nhiệm tham gia thẩm tra về tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật của dự thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết... có thể được xem xét chuyển giao cho toàn thể Ủy ban. Các báo cáo thẩm tra, giám sát, dự thảo văn bản được chỉnh lý, hoàn thiện... phải là kết quả, sản phẩm kết tinh trí tuệ, trách nhiệm của toàn thể Ủy ban.

(5) Các ý kiến tham gia đóng góp, nhận xét, phản hồi của các tầng lớp nhân dân, các cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan... cần được tổng hợp thành văn bản và được gửi đến thành viên Ủy ban tại phiên họp toàn thể khi bàn thảo về các vấn đề có liên quan. Việc nghiên cứu tiếp thu ý kiến đóng góp của các tầng lớp nhân dân, trong đó có các đối tượng chịu sự tác động cản trở thành một công đoạn chính thức tại phiên họp toàn thể của Ủy ban; việc thực hiện theo hướng này còn nhằm “thực hiện nghiêm túc cơ chế tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các đối tượng chịu sự tác động; không đẩy khó khăn cho người dân, doanh nghiệp trong thiết kế chính sách và xây dựng pháp luật”³. Trong quy trình này, cần chú ý xác lập, xây dựng và có cơ chế để rà soát, nhận diện, tránh việc những ý kiến, quan điểm theo hướng thiên về tìm kiếm “lợi ích nhóm” có thể sẽ lấn át, tạo ra những khả năng tiếp thu sai lầm trong trường hợp bộ máy giúp việc cũng như các cơ quan của Quốc hội do những nguyên nhân khách quan, chủ quan mà không vượt qua được những khó khăn về năng lực tiếp nhận và xử lý các luồng ý kiến tham vấn...

Thứ tư, thể chế hóa, tổ chức thực hiện tốt yêu cầu phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Sự tham gia rộng rãi, thực chất của người dân, tổ chức, doanh nghiệp trong xây dựng pháp luật theo quy định của Nghị quyết số 66-NQ/TW; trong hoạt động của các Ủy ban, xem xét tăng cường hơn nữa việc thu hút sự tham gia của các chuyên gia, nhà khoa học nhằm gia tăng việc cung cấp thông tin, tri thức phục vụ hoạt động của các Ủy ban. Theo đó, Ủy ban có thể tăng cường việc mời đại diện một số cơ sở nghiên cứu, đào tạo, chuyên gia, nhà khoa học, cán bộ làm công tác thực tiễn... có uy tín, năng lực tham dự các phiên họp toàn thể Ủy ban về hoạt động thẩm tra, chỉnh lý dự thảo văn bản, giám sát, kiến nghị... Xem xét việc đề nghị, đặt hàng các cơ quan, tổ chức, cơ sở nghiên cứu, đào tạo trong nước xây dựng các báo cáo nghiên cứu, đánh giá, thẩm định, phản biện... về dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết, dự thảo báo cáo giám sát, kiến nghị... làm tư liệu tham khảo cho Ủy ban □

Chú thích:

1. Ủy ban Pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XII (2011). *Báo cáo số 3552/BC-UBPL12 ngày 14/3/2011 tổng kết công tác của Ủy ban Pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XII (2007 - 2011).*

2. Ủy ban Tư pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XII (2011). *Báo cáo số 4745/BC-UBTP12 ngày 15/3/2011 về tổng kết công tác của Ủy ban Tư pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XII (2007 - 2011).* Kỷ yếu Ủy ban Tư pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XII (2007 - 2011). H. NXB Thông tin truyền thông, tr. 717.

3. Bộ Chính trị (2025). *Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.*

Tài liệu tham khảo:

1. Quốc hội (2013, 2025). *Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).*

2. Quốc hội (2014, 2025). *Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).*

3. Quốc hội (2025). *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025.*